LỊCH SỬ - VĂN HÓA

SÁCH, TÀNG THƯ VÀ VĂN HÓA SÁCH Ở TRUNG QUỐC

PHAN VĂN CÁC*

Sách, theo nghĩa rộng ngày nay là tổng hòa mọi vật chở thông tin, tri thức. Sách của Trung Quốc, từ điển sách giáp cốt đến tư liệu nghe nhìn ngày nay đã trải qua thiên biến vạn hóa về hình thái và chất liệu. Và các sự nghiệp liên quan đến sách ngày nay như sự nghiệp xuất bản phát hành, sự nghiệp thông tin tư liệu v.v... đều hết sức rộng rãi và to lớn đồ sộ.

Từ sự ra đời đến sự phát triển tiến hóa của sách, có cả một loạt quá trình diễn tiến văn hóa theo chiều dài lịch sử, từ sản xuất sách đến sử dụng khai thác sách lại nảy sinh cả một chuỗi các hoạt động văn hóa xã hội xoay quanh nó. Tổng hòa các mối quan hệ ngang dọc đan xen ấy chính là nội hàm của khái niệm "văn hóa sách".

"Văn hóa sách" cũng như mọi văn hóa khác, được cấu thành bởi nhiều thành phần văn hóa khác nhau. Xét theo tính chất nội dung của các thành phần cấu thành, "văn hóa sách" có thể được xét trên các phương diện sau:

1. Chữ viết (kể cả tranh ảnh và các loại kí hiệu, cùng các loại tín hiệu trong sách hiện đại...). Không có chữ viết thì cũng không thể có sách. Chữ viết là yếu tố cơ bản của sách. Chữ viết của Trung Quốc, chữ Hán kể từ khi ra đời đến nay đã có trên 4.500 năm lịch sử.

Riêng về văn hóa chữ Hán đã có nhiều công trình nghiên cứu quy mô lớn nhỏ khác nhau, ở đó chữ Hán đã được khảo sát một cách tổng thể và hệ thống: với tư cách một hệ thống kí hiệu, một hệ thống thông tin, tự thân nó có ý nghĩa văn hóa, đồng thời nó có mối quan hệ qua lại với nền văn hóa Trung Hoa.

2. Các hình thái khác nhau của sách và vật chở: Giáp cốt (mai rùa và xương thú), kim thạch (đồng và đá), trúc mộc (tre và gỗ), da thú, gấm lụa, giấy, đĩa từ, băng từ, đĩa quang v.v...; các loại sách vở tư liệu hình thành bằng cách khắc, vẽ, chép tay, in ấn, sao chụp, chế tác bằng kĩ thuật hiện đại v.v... Đó là cái vỏ vật chất của văn hóa sách.

3. Nội dung của sách: Tất cả giá trị của việc sản sinh, tồn tại và phát triển của sách đều nằm ở nội dung của nó. Tác dụng của sách đối với con người cũng chủ yếu là ở đây. Nội dung của sách là linh hồn của văn hóa sách.

4. Quá trình sản xuất và lưu thông sách cùng với thực thể của quá trình ấy

* GS. Ngữ văn.

bao gồm trước thuật, biên tập, xuất bản, phát hành, ấn loát, phục chế v.v...

5. Quá trình thu thập, chỉnh lý, lưu giữ, bảo quản và khai thác sách cùng với thực thể của quá trình ấy, bao gồm hiệu khám, khảo đính, sự nghiệp thông tin tư liệu, sự nghiệp lưu trữ hồ sơ v.v...

6. Các loại kiến trúc, thiết bị, công trình về sách, bao gồm cả các kĩ thuật hiện đại.

7. Các ngành học ra đời kèm theo quá trình hình thành sách, như văn tự học, đồ thư học, văn hiến học, biên tập học, xuất bản phát hành học, thư viện học, trình báo học, lưu trữ học, mục lục học, văn bản học, hiệu khám học, kim thạch học, tập dật học, kĩ thuật ấn loát v.v...

8. Các chính sách, pháp lệnh, các cơ cấu tổ chức quản lí về sách, cùng với quan chức của các cơ cấu tổ chức ấy v.v...

Ngoài ra, còn có thể theo góc độ các sự nghiệp liên quan đến văn hóa sách mà chia ra sự nghiệp xuất bản phát hành, sự nghiệp thư viện, sự nghiệp thông tin, sự nghiệp lưu trữ, sự nghiệp nghe nhìn, sự nghiệp ấn loát v.v..., từ đó cấu thành cả một hệ thống văn hóa sách.

Xét theo những biến đổi quan trọng với những đặc trưng chủ yếu trên từng giai đoạn phát triển, văn hóa sách của Trung Quốc đại thể có thể chia thành 5 thời kì phát triển.

1. Thời kì nguyên thủy (từ viễn cổ đến thế kỉ XI trước Công nguyên). Thời kì này chủ yếu là sự ra đời của chữ viết và manh nha của sách vở. *Dịch kinh - Hệ từ hạ truyện* chép "Thượng cổ kết thằng nhi trị, hậu thế thánh nhân dịch chi dĩ thư khế" (Thời thượng cổ kết dây thắng nút để ghi nhớ việc, thánh nhân đời sau thay bằng văn tự). *Thượng thư Tự* viết: "Do thị thư tịch sinh yên" (Do đó, thư tịch ra đời). Văn tự và sách sớm nhất của Trung Quốc là văn giáp cốt và sách giáp cốt. Thời kì này cơ cấu và quan chức quản lí "sách" đã xuất hiện, đó là "Trụ hạ sử".

2. Thời kì "giản bạch" (từ thế kỉ X trước Công nguyên đến thế kỉ I sau Công nguyên). Từ khi giản sách (thẻ tre) xuất hiện cho đến lúc giấy được phát minh và dùng làm vật chở chữ viết, hình thái và chức năng của sách dần dần phát triển và hoàn thiện. Thời kì này đã có văn tự thống nhất, vật chở (thẻ tre, thẻ gỗ, vải lụa) có hình thể nhất định, có thể ghi chép được tư tưởng trọn vẹn, tri thức hoàn chỉnh và truyền được thông tin. Người ta tiến hành một cách có mục đích việc trước thuật, chế tác, lưu thông, chỉnh lí, bảo quản và sử dụng sách. Cơ cấu quản lí sách cũng phát triển thành thục thêm một bước.

3. Thời kì viết tay (thế kỉ II - thế kỷ IX). Việc phát minh ra giấy là cuộc biến đổi lớn đầu tiên trong lịch sử văn hóa sách. Cuộc biến đổi đó khiến cho hình thái của sách có sự thay đổi căn bản. Năm Nguyên Hưng 2 thời Đông Tấn (năm 403 CN), Hoàn Huyền thay nhà Tấn, tự lập làm vua, hạ lệnh "dĩ chỉ đại giản" (dùng giấy thay thẻ tre) nói rằng "cổ vô chỉ cố dụng giản, phi chủ ư kính dã, kim chư dụng giản giả, tỉ dĩ hoàng chỉ đại chi" (Xưa không có giấy nên phải dùng thẻ tre, chứ không cốt để tỏ lòng kính. Nay phàm những việc xưa dùng thẻ tre, đều nhất loạt thay bằng giấy vàng). Từ đó phế bỏ việc dùng thẻ tre, thời đại giản bạch kết thúc, văn hóa sách chuyển sang thời kì viết tay.

4. Thời kì ấn loát (thế kỷ IX - thế kỷ XX). Trung Quốc phát minh kĩ thuật ấn loát, đã thúc đẩy nên cuộc đại cách mạng thứ hai trên lịch sử văn hóa sách. Việc khắc in sách khởi đầu tự bao giờ, giới hạn trên đến nay chưa xác định được. Nhưng giới hạn dưới thì có thể khẳng định là vào khoảng niên hiệu Hàm Thông (860 - 873 CN) của Đường Ý Tông. Bằng chứng hiển nhiên là bộ *Kinh Kim Cương* khắc in năm Hàm Thông 9 (868 CN). Từ đời Đường cho đến tận ngày nay, sách in đã ngự trị ở Trung Quốc hơn một ngàn năm. Thời kì ấn loát này lại chia ra làm hai giai đoạn đánh dấu bởi sự kiện Tất Thăng phát minh ra kĩ thuật in hoạt tự (chữ rời) vào thời Khánh Lịch (1041 - 1048 CN) nhà Bắc Tống, giai đoạn trước có thể gọi là văn hóa sách in ván khắc và giai đoạn sau có thể gọi là văn hóa sách in chữ rời.

5. Thời kì nghe - nhìn (thập kỉ 50 thế kỉ XX về sau). Trên thế giới thì từ năm 1877 Thomas Alva Edison (1847 - 1931) phát minh ra máy ghi âm ống tròn, lần đầu tiên ghi được âm thanh đến nay, văn hóa sách nghe nhìn thế giới đã ra đời và phát triển được hơn một thế kỉ. Đặc biệt là vào năm 1954, Thư viện Trung tâm binh khí Hải quân Mĩ dùng máy tính IBM 701 thực hiện việc tra cứu theo từ tổ đơn nguyên đã đánh dấu cuộc đại cách mạng thứ ba trong văn hóa sách thế giới. Còn cái mốc đánh dấu mở đầu văn hóa sách nghe nhìn của Trung Quốc đã được công nhận là vào tháng 8 năm 1978, khi Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc phê chuẩn việc nghiên cứu "Công trình xử lí thông tin chữ Hán" (tức "công trình 748"). Ngót ba chục năm qua, văn hóa sách nghe nhìn Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng song nói chung vẫn đang ở trong giai đoạn khởi động. Theo đà phát triển kinh tế của đất nước và sự nâng cao không ngừng tố chất văn hóa của mọi người dân, văn hóa sách nghe nhìn sẽ tiếp tục phát triển, "sách" thuộc loại hình nghe nhìn dùng kĩ thuật hiện đại và trang bị kĩ thuật tương lai sẽ ngày càng chiếm lĩnh lãnh địa của sách giấy một cách rộng rãi. Sách giấy tuy cũng sẽ tồn tại lâu dài, nhưng địa vị và vai trò của nó, hình thái và quá trình sản xuất của nó, chắc chắn sẽ có những biến đổi ngày càng to lớn.

Ngày nay, người ta đã xếp tư liệu sách cùng với nguồn năng lượng và vật liệu là ba cột trụ lớn để phát triển khoa học kỹ thuật hiện đại. Trong toàn bộ nền văn hóa sách, còn có tác dụng năng động chủ quan của con người. Thí dụ như vai trò của các sự nghiệp văn hóa sách và các cơ cấu tổ chức văn hóa sách trong đời sống xã hội. Các sự nghiệp và tổ chức đó không chỉ có chức năng xúc tiến việc sản xuất, sử dụng và phát triển sách, mà còn sản xuất và sử dụng sách để cải tạo xã hội và thiên nhiên theo một thế giới quan nhất định, tuyên truyền giới thiệu sách với độc giả để sách phát huy tác dụng lớn hơn. Ý nghĩa của tác dụng này đối với xã hội là hết sức to lớn. Trong toàn bộ văn hóa nhân loại, văn hóa sách thuộc phạm trù văn hóa tinh thần có tác dụng ngược trở lại rất lớn đối với văn hóa vật chất.

Loài người đã thai nghén ra văn hóa sách, văn hóa sách đã tích lũy, bảo tồn và phát triển nền văn minh của nhân loại. Văn hóa sách là cột trụ quan trọng

và sức mạnh to lớn để phát triển nền văn minh ấy.

Ngày nay, chúng ta nghiên cứu văn hóa sách còn có ý nghĩa hiện thực sâu xa. Thời cổ đại của Trung Quốc, các sự nghiệp văn hóa sách về cơ bản là nhất thể. Thí dụ như đầu đời Tống thiết lập Bí thư giám để nắm giữ thư tịch, vừa phụ trách "chưởng cổ kim kinh tịch đồ thư, quốc sử thực lục, thiên văn lịch số chi sự" (trông coi công việc kinh tịch sách vở cổ kim, quốc sử thực lục, thiên văn lịch số xưa nay), "chưởng tu soạn nhật lịch" (nắm công việc soạn lịch), "chưởng Tập hiền viện, Sử quán, Chiêu ăn quán, Bí các đồ tịch, dĩ giáp, ất, bính, đinh vi bộ, các phân kì loại" (Nắm viện Tập hiền, Sử quán, Chiêu văn quán và sách vở của Bí các, chia theo các bộ giáp ất bính đinh, bộ nào ra bộ ấy), lại còn "chưởng hiệu thù điển tịch, phán chính ngoa nậu" (Nắm công việc hiệu đính sách vở, phân rõ đúng sai) v.v... *(Tống sử - C hí,* quyển 164, *Chức quan* 4). Trên thực tế, từ thời Tần Hán cho đến thời Thanh, cơ cấu văn hóa sách của nhà nước về cơ bản ôm trùm hết mọi công việc sưu tầm, cất giữ, duyệt lãm, lưu thông, chỉnh lý, hiệu khám, phân loại, biên mục cho đến biên tập, khắc in và phát hành. Nhiều nhà tàng thư tư nhân cũng như vậy.

Sự ra đời và phát triển của văn hóa sách Trung Quốc cho thấy, sự phát triển của văn hóa sách gắn chặt với trình độ phát triển của khoa học. Văn hóa sách từ sau khi thoát ra khỏi hình thái nguyên thủy, trải qua ba cuộc biến đổi lớn, mỗi cuộc biến đổi ấy đều là kết quả của sự phát triển khoa học kĩ thuật. Cuộc biến đổi thứ nhất là sự phát minh vật chở - giấy; cuộc biến đổi thứ hai là sự phát minh kĩ thuật sản xuất - kĩ thuật in; cuộc biến đổi thứ ba là cuộc biến đổi lớn cả vật chở, kĩ thuật sản xuất và kĩ thuật sử dụng tiến hành đồng thời, tức là sự ứng dụng kĩ thuật hiện đại mà trung tâm là máy tính điện tử. Không có sự phát minh ra giấy và kĩ thuật in, không có sự ứng dụng kĩ thuật hiện đại, thì văn hóa sách không thể phát triển đến tầm cao ngày nay.

Tàng thư là một hiện tượng văn hóa quan trọng. Sự phát triển của chế độ tàng thư có thể cho thấy bước đường phát triển của văn hóa. Xã hội hiện đại nói chung có thể lấy trình độ phát triển của thư viện làm một tiêu chí đánh giá trình độ phát triển văn hóa của một thành phố, một vùng hay một quốc gia.

Loài người sáng chế ra chữ viết nhằm kéo dài kí ức của mình. Vận dụng chữ viết để ghi chép làm nảy sinh các văn bản, nhờ đó mà bảo tồn văn hóa, thúc đẩy giao lưu. Tích tụ các văn bản là sản phẩm của sự kết hợp giữa thói quen sử dụng nhiều lần với quan niệm bảo tồn lâu dài của người ta đối với tài liệu văn bản. Việc xây dựng và phát triển xã hội văn minh luôn nhịp bước với hoạt động tích tụ tài liệu văn bản của người ta.

Văn tự Trung Quốc khởi nguồn từ đời Hạ, và cho đến nay phát hiện được văn tự ghi chép sự việc sớm nhất là đời Ân Thương. "Tả sử ghi lời, hữu sử ghi việc", chế độ sử quan của vương triều là khởi đầu của việc vương thất lũng đoạn văn hóa. *Sử kí* nói rằng Lão Tử là "Chu thủ tàng thất chi sử" (chức quan giữ tàng thất nhà Chu, tức là ghi chép văn bản tàng thư của nhà nước). Chế độ tàng thư

của Trung Quốc có thể tìm ngược lên đến thời điểm này.

Trung Quốc từ sau khi Tần Hán xây dựng các vương triều phong kiến chuyên chế thống nhất, thì chế độ tàng thư nhà nước đã phát triển nhanh chóng. Hình thành từ Lưỡng Hán, phát triển qua Tam Quốc, Lưỡng Tấn, Nam Bắc Triều, đến Tùy Đường thì đại hưng thịnh, Tống Nguyên phồn vinh, Minh Thanh phát đạt, chế độ tàng thư nhà nước của Trung Quốc đã dệt nên bức tranh rực rỡ nhiều màu suốt hơn hai ngàn năm và đã góp phần phát triển nền văn hóa học thuật phong kiến và sự thống trị của các vương triều Trung Quốc. Nhìn trên đại thể, hệ thống tàng thư của xã hội phong kiến Trung Quốc có những đặc điểm sau đây:

1. Lấy tàng thư cung đình làm nòng cốt: Nhà Hán lập ra Thiên Lộc các, nhà Tùy có Gia Tắc điện, nhà Đường đặt Chiêu Văn điện, nhà Tống xây Thái Thanh lâu, nhà Minh có Văn Uyên các, nhà Thanh có Văn Uyên các, Văn Nguyên các, Văn Tân các, Văn Tố các là những lầu tàng thư cung đình điển hình. Còn tàng thư triều đình (nhà nước) thì có Đông quán của nhà Hán, Bí thư sảnh nhà Đường, Sùng văn viện nhà Tống, Bí thư các nhà Nguyên, Giang Nam Văn Tông các, Văn Hối các, Văn Lan các của nhà Thanh v.v... Loại tàng thư này có khác với tàng thư nội phủ cung đình chủ yếu ở chỗ nó độc lập thoát li cung đình, sách cho mượn và sử dụng công khai. Lại có tàng thư cơ cấu chính phủ như các triều đại đều có cơ cấu biên soạn sách sử, cơ cấu giáo dục và tàng thư của các cơ cấu thiên văn, y dược.

2. Có chế độ sưu tập, chỉnh lí và biên mục: Chế độ Bí thư giám lập từ năm Diên Hi 2 (năm 159 sau CN) thời Hán Hoàn Đế, kéo dài cho đến năm Hồng Vũ 13 (năm 1380) nhà Minh. Bí thư giám trên thực tế là cơ quan quản lí thống nhất việc sưu tập, chỉnh lí và biên mục sách vở điển tịch của vương triều. Hán Vũ Đế "định chính sách tàng thư, đặt chức quan tả thư, cho đến chư tử truyền thuyết đều sung vào bí phủ". Vương triều các đời tuân theo thể thức, "dĩ vi vĩnh chế" (lấy làm chế độ vĩnh viễn), xây dựng thành công tác và trình tự tàng thư nhà nước, tổ chức sưu tầm rộng rãi, định kì tổ chức hiệu thư, mở rộng số lượng tàng thư, đặt người chuyên môn biên mục, cung cấp cho nhu cầu biên soạn, khắc in, hiệu khám, nghiên cứu học thuật.

3. Đề cao tư tưởng Nho gia, tuyên truyền tôn chỉ củng cố nền thống trị của vương triều. Tư tưởng, quan niệm và triết học chính trị Nho gia là trụ cột tinh thần mà giai cấp thống trị phong kiến dựa vào để duy trì và giữ vững nền thống trị. Khâu Tuấn đời Minh trong *Thái tử diễn nghĩa bổ* khi tổng kết nền thống trị của vương triều đã nói: "Nhân quân vi trị chi đạo phi nhất đoan, nhiên giai nhất thế nhất thời chi sự. Duy phù kinh tịch đồ thư giả, nãi vạn niên bách thế chi sự yên". (Đạo trị nước của nhà vua đâu phải chỉ một mối, nhưng đều là việc của một đời một thời. Duy có kinh tịch sách vở là việc của muôn năm trăm đời). Vì *Lục kinh* của Nho gia là "ông tổ của kinh điển muôn đời" (vạn thế kinh điển chi tổ) cho nên đế vương các triều đại đều hết sức coi trọng việc tàng trữ

các đồ thư điển tịch. Hán Vũ Đế định chính sách tàng thư, chính là vì "lễ nhạc băng hoại", "thư khuyết giản thoát" (sách vở mất mát), Tống Thái Tông quy hoạch lại lâu đài của Sùng văn viện, Càn Long sửa sang *Tứ khố toàn thư*, mọi việc đều "chờ trẫm định đoạt", mục đích cốt để "sử Thạch Cừ Thiên Lộc chi tàng vô bất gia huyền hộ tụng" (khiến những gì tàng trữ trong kho sách nhà nước, đều được mọi nhà hiểu biết thưởng thức). Những điều đó đều nói lên mục đích và ý đồ của tàng thư nhà nước.

4. Chức năng xã hội đa dạng hóa: Bởi quyền thống trị về chính trị tập trung vương quyền, đặc biệt là văn hóa giáo dục và khảo hạch quan lại cũng thống nhất ở triều đình nhà vua, cho nên tàng thư nhà nước đã trở thành trận địa bảo vệ nền thống trị tư tưởng, trung tâm hoạt động văn hóa học thuật, thiết chế phụ thuộc của cơ cấu giáo dục và cơ sở biên tập xuất bản.

Trong lịch sử Trung Quốc, cùng với tàng thư Nhà nước dựa vào nhau để tồn tại còn có các tàng thư tư gia khá đông đảo. Tư nhân thu nhập và tàng trữ sách vở là một hoạt động văn hóa rất phổ biến, song đáng gọi là nhà tàng thư thì còn phải đánh giá qua mục đích tàng thư, số lượng chủng loại sách và việc sử dụng sách. Ở Trung Quốc, tàng thư tư gia khởi nguồn từ thời Xuân thu - Chiến quốc, bấy giờ cục diện "học thuật nằm trong tay vua quan" đã bị phá vỡ, chất liệu thẻ tre thẻ gỗ thông dụng và đương nhiên nhân tố chủ yếu nhất là nhu cầu giao lưu học thuật, trước thư lập thuyết và giáo dục phát triển. Sách *Trang Tử* viết "Huệ Thi đa phương, kì thư ngũ xa" (Huệ Thi nhiều tài, sách chất năm xe), sách *Mặc Tử* nói: "Kim thiên hạ chi sĩ quân tử chi thư bất khả thăng tải" (Sách của kẻ sĩ quân tử trong thiên hạ ngày nay không thể chép xuể), còn *Chiến quốc sách* nói Tô Tần "phát xuất trần khiếp số thập, đắc Thái Công *Âm phù* chi mưu" (mở mấy chục cái hòm cũ ra, tìm được mưu kế trong sách *Âm phù* của Thái Công), tất cả đó đều có thể nói lên rằng hoạt động tàng thư tư nhân khá phổ biến.

Lưỡng Hán về sau, tàng thư tư gia có bước phát triển dài. Trong đó, sự phồn vinh của công việc trước thuật tư nhân và sự phát đạt của văn hóa giáo dục xã hội đã đòi hỏi rộng khắp phải có tàng thư cần thiết cho học tập, nghiên cứu và trao đổi. Việc sử dụng giấy, việc mở rộng nghề in, việc hình thành thị trường sách, việc xúc tiến giao thông vận tải, khiến việc sưu tầm tàng trữ sách trở thành phổ biến. Tàng thư tư gia đời Hán còn thưa thớt, song đến thời Lưỡng Tấn Nam Bắc triều thì đã "gia hữu văn sử" (nhà có văn sử), đến Tùy Đường thì tàng thư tư gia càng phát triển mạnh. Thư Hàn Dũ tặng Lí Tiết có câu "Nghiệp hầu gia đa thư, Sáp giá tam vạn trục" (Nhà Nghiệp hầu nhiều sách, Chật giá ba vạn cuốn). Liễu Công Xước tàng thư "Kinh sử tử tập, giai hữu tam bản, sắc thái hoa lệ giả, trấn khố; hựu nhất bản, thứ giả, trường hành phi lãm; hựu thứ giả, hậu sinh tử đệ vi nghiệp, giai hữu trù cách bộ phận, bất tương thâm thác" (Kinh sử tử tập đều có ba bản, một bản màu sắc đẹp để giữ ở kho; một bản kém hơn, để đi xa mang theo đọc; một bản khác kém hơn nữa thì để cho con em cháu chắt

học, có ngăn có tủ để riêng không lẫn lộn Tiền Hi Bạch, *Nam bộ tân thư*). Ta có thể hình dung được số lượng và phương pháp quản lí tàng thư lúc bấy giờ.

Từ thời Tống về sau, tàng thư tư gia đã phổ biến khắp nơi trong cả nước. Xét nguyên nhân, một là nghề in đã ứng dụng phổ biến, người viết sách nhiều, việc in sách đã dễ dàng, tàng thư cũng không khó; hai là việc hình thành thị trường sách ở các thành phố, giao thông cũng tiện lợi hơn khiến cho việc mua bán sách vở trong cả nước trở nên dễ dàng. Tàng thư đã thành phong trào rầm rộ ở một số vùng. Chu Mật đời Tống nói "chí nhược ngô hương cố gia (Lưỡng Chiết Ngô Hưng) như Thạch Lâm Diệp thị, Hạ thị, giai hiệu tàng thư chi đa, chí thập vạn quyển. Kì hậu Tề Trai Nghê thị, Nguyệt Hà Mạc thị, Trúc Trai Thẩm thị. Trình thị, Hạ thị, giai hiệu tàng thư chi phú, các bất hạ số vạn quyển" (Đến như ở quê hương tôi - Lưỡng Chiết Ngô Hưng - thì họ Diệp, họ Hạ ở Thạch Lâm đều có tiếng là tàng trữ nhiều sách, có đến chục vạn quyển. Sau đó họ Nghê ở Tề Trai, họ Mạc ở Nguyệt Hà, họ Thẩm, họ Trình, họ Hạ ở Trúc Trai đều được gọi là những nhà giàu sách, mỗi nhà không dưới mấy vạn quyển - Chu Mật, *Tề Đông dã ngữ*). Làn sóng tàng thư còn để dư ba đến thời Minh Thanh, các nhà tàng thư có nhiều chủng loại: nhà thu tàng, nhà thưởng giám, nhà khảo đính, nhà hiệu thù, nhà buôn sách cũ. Ở các thời kì khác nhau từng nổi lên những nhà tàng thư lừng danh như Càn Gia tứ đại gia (Bốn đại gia thời Càn Long Gia Khánh), Cận đại tứ đại gia (Bốn đại gia thời Cận đại) v.v... Vương Thiệu Tăng nhiều năm nghiên cứu thư tịch Sơn Đông, theo thống kê của ông, vùng Sơn Đông thời Minh Thanh có đến trên 430 nhà tàng thư. Vùng Giang Tô - Chiết Giang nổi tiếng là đất văn học thì các nhà tàng thư tư nhân càng phong lưu nho nhã, đời nào cũng có người lừng danh, riêng Giang Tô thời Minh Thanh có đến 450 nhà, Chiết Giang 350 nhà, theo các tài liệu còn ghi chép được. Ở Chiết Giang đó là Thiên Nhất các của họ Phạm, Đạm Sinh đường của họ Kì, Nhị Lão các của họ Trịnh, Tiểu Sơn đường của họ Triệu, Bát Thiên Quyển lâu của họ Đinh, Bức Tống lâu của họ Lục v.v...; ở Giang Tô đó là Lục Trúc đường của họ Diệp, Truyền Nguyệt lâu của họ Lí, Thiên Khoảnh đường của họ Hoàng, Cấp Cổ các của họ Mao, Giáng Vân lâu của họ Tiền, Sĩ Lễ Cư của họ Hoàng, Nghệ Vân Tinh xá của họ Uông, Thiết Ngâm Đồng Chiêu lâu của họ Cù v.v..., có thể nói là nức tiếng gần xa, lừng danh rừng sách.

Công lao lịch sử của tàng thư tư gia có thể khái quát trong 4 điểm:

Một là, bảo tồn các điển tịch văn hóa: Nhà nước và tư gia bổ sung cho nhau, làm phong phú những thư tịch tàng trữ được, trải qua các đời nối tiếp nhau, bổ sung những phần tàn khuyết.

Hai là, bồi dưỡng phong trào đọc sách: Hoặc cung cấp cho con em, hoặc giúp cho việc lưu truyền duyệt đọc, phục vụ cho nhu cầu đọc sách và trước thuật.

Ba là, thúc đẩy phát triển học thuật: Hoặc sử dụng tàng thư để nghiên cứu, hoặc nhờ thành quả chỉnh lí tàng thư, tập ấn mà ngàn vạn cuốn sách được truyền bá trong đời.

Bốn là thúc đẩy nghiên cứu tư liệu, tổng kết kinh nghiệm tàng thư.

Đương nhiên không tránh khỏi tồn tại những hạn chế của tàng thư tư gia phụ thuộc vào gia chủ như khư khư giữ tình trạng tàn khuyết, giữ kín của riêng, giành giật lũng đoạn v.v...

Ở đây cần đề cập đến thư viện như một tổ chức đặc thù của giáo dục Trung Quốc: nó kiêm nhiệm nhiều chức năng như giáo dục, nghiên cứu, giảng dạy và xuất bản. Tên gọi "thư viện" khởi đầu từ đời Đường, bấy giờ là "nơi tu thư" (Viên mai, *Tùy Viên tùy bút*), về sau trở thành "nơi quần cư giảng tập" (Chu Hà, *Hành Châu Thạch Cổ thư viện kí*). Tống Nguyên về sau, thư viện phát đạt, như hai triều Minh, Thanh, mỗi triều có đến hơn 1000 thư viện, với nhiều chủng loại như thư viện khảo khóa, thư viện giảng hội và về sau có cả thư viện có tính chất nghiên cứu rộng cả kinh sử và loại thư viện chuyên môn học tập kĩ nghệ phương Tây. Thư viện phải dạy học trò, chỉnh lí nghiên cứu học thuật, khắc in các thành quả nghiên cứu, cho nên tàng thư trở thành bảo đảm vật chất và văn hóa quan trọng của thư viện, từ đó thư viện hình thành một phong trào tàng thư mạnh mẽ.

Tàng thư của thư viện đại thể có 3 nguồn: một là sách ban tặng, như sách triều đình ban, sách quan lại quyên hiến; hai là sách sưu tầm, như sách thường dùng, các trước thuật mới về học thuật do thư viện thường xuyên bổ sung; ba là sách in tồn, gồm trước thuật của các học giả bản viện; các giáo trình, bài giảng v.v... Tàng thư của thư viện dần dần hoàn thiện và có đặc sắc riêng, như thu tàng có hệ thống các thư tịch lí học, phương thức quản lí có chế độ, đặc biệt là cho phép mượn ra ngoài, đọc công khai, phụ đạo cho các độc giả theo yêu cầu, khiến thư viện có nét đặc sắc hẳn với các loại hình tàng thư khác. Cuối đời Thanh, thư viện đổi thành học đường, tàng thư thư viện càng tích lũy được nhiều sách cho giáo dục nhà trường cận đại, công lao không thể mai một.

Ngoài ba loại hình lớn là tàng thư nhà nước, tàng thư tư gia và tàng thư thư viện nói trên, trong chế độ tàng thư Trung Quốc còn một loại hình lớn nữa là tàng thư tôn giáo: Phật giáo có Phật tạng của các chùa, viện; Đạo giáo có Đạo tạng của Không, quán,; ngoài ra còn có tăng thư ở các nhà thờ, các viện của Thiên chúa giáo, các đạo Islam, mỗi tôn giáo đều có đặc sắc nổi bật. Sớm nhất là các tàng thư Phật giáo và Đạo giáo.

Tàng thư Phật giáo sau khi truyền vào Trung Quốc, thì việc phiên dịch kinh điển trở thành biện pháp chủ yếu để truyền phá tôn chỉ và giáo lí, kinh điển dịch ra Hán văn tích lũy dần thành hệ thống tàng thư Phật giáo. Đời Tấn bắt đầu xuất hiện tàng thư của chùa, miếu. Thời Tùy Đường đã hưng thịnh lắm như tàng thư của chùa Từ Ân, chùa Tây Lâm thời Đường đã nổi tiếng khắp bốn phương. Tàng kinh chùa Đông Lâm ở Lư Sơn "nhất thiết kinh điển, tận tại ư nội" (mọi bản kinh điển đều có trong đó - Bạch Cư Dị, *Hương Sơn tự tân tu kinh tàng đường kí*); tàng kinh chùa Hương Sơn "hợp thị tân cựu Đại tiểu thừa kinh luật luận tập, phàm ngũ thiên nhị bách thất thập quyển" (đây là tập kinh luật luận Đại tiểu thừa cũ và mới, gồm 5270 quyển) "khải bế hữu thời, xuất nạp hữu tịch" (mở đóng có giờ, vào ra có sổ - Bạch Cư Dị, *Hương Sơn tự tân tu kinh tàng đường kí*). Sau đời Tống, do được vua

quan tổ chức in *Đại tạng kinh*, trở thành kho báu của nhà chùa, nối đời gìn giữ, tụng đọc hàng ngày. Do nguyên nhân hưng phế của tôn giáo, các nhân sĩ tôn giáo thậm chí cho khắc đá, để gìn giữ kinh điển, khiến tàng thư Phật giáo rất đa dạng. Kinh đá Phòng Sơn ở Bắc Kinh, động tàng kinh Thiên Phật động ở Đôn Hoàng trở thành thánh địa tàng thư Phật giáo.

Đạo giáo là tôn giáo hoàn toàn bản địa của Trung Quốc, theo đà truyền bá mà hình thành nên một loạt kinh điển Tôn giáo. Năm Thái Thủy 7 (471 CN) đời Tống Minh Đế, bản *Tam Động kinh thư mục lục* của Lục Tu Tĩnh nói rằng: "Sách kinh, cùng đơn thuốc, tranh bùa của Đạo gia gồm 1228 quyển". *Tam động quỳnh cương* biên tập xong vào thời Đường có tới 3744 quyển. Triều đình lúc bấy giờ hạ lệnh cho cung quán các nơi sưu tầm thu tàng. Năm Thiên Bảo 7 (748 CN) xuống chiếu "lệnh cho nội thư hết thảy Đạo kinh, đều lệnh cho Sùng Huyền Quán chép lại phân Tống cho chư đạo Thái phỏng sứ, lệnh cho Chư đạo trong quán chuyển tả". Có thể thấy rằng tàng thư cung quán các địa phương dần dần thành hệ thống. Sau đời Tống, cung quán các địa phương nói chung đều thu tàng Đạo tạng do triều đình tập thành, như bản chép *Đại Tống Thiên cung bảo tạng*, bản in *Chính Hòa Vạn thọ, Đạo tạng*. Đời Minh thì thu tàng *Chính thống Đạo tạng*, mặc dầu có những biến động mới, song số lượng tàng thư và hệ thống tàng thư không thay đổi mấy.

Tàng thư Phật giáo và tàng thư Đạo giáo có đối tượng phục vụ cố định, việc quản lí tàng thư đóng kín khá chặt, nhưng vì quá trình hình thành các tàng thư không giống nhau, nên tàng thư Phật giáo chú ý việc biên mục, truyền thống viết đề yếu đã sản sinh ra nhiều bản mục lục có chất lượng cao, và vì tàng thư đóng kín khá chặt cho nên sách lưu truyền được ở đời cũng tương đối nhiều, có đóng góp cho việc lưu truyền văn hiến Trung Quốc.

Nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, tàng thư nhà nước và tàng thư thư viện thay thế bởi các đồ thư quán công cộng và đồ thư quán nhà trường kiểu mới. Tàng thư tư gia tuy vẫn tiếp tục tồn tại, nhưng mục đích, ý nghĩa và ảnh hưởng lịch sử đã thay đổi. Còn tàng thư tôn giáo thì đó là loại hình chế độ tàng thư Trung Quốc bảo lưu được hoàn chỉnh nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Lịch sử văn hóa Trung Quốc,* Đàm Gia Kiện chủ biên, Trương Chính, Nguyễn Thạch Giang, Phan Văn Các dịch, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.

2. *Trung Quốc học thuật tư tưởng sử,* Lâm Khải Ngạn, Nxb Thư lâm, Taipei, 1994.

3. *Trung Quốc Hán tự văn hóa đại quan,* Hà Cửu Doanh, Hồ Sung Bảo, Trương Mãnh chủ biên, Nxb Bắc Kinh đại học, Bắc Kinh, 1995,

4. *Long Ngâm - Trung Quốc văn hóa chi quang,* Vũ Xuân Hà chủ biên, Công ti xuất bản phiên dịch đối ngoại Trung Quốc xuất bản, Bắc Kinh, 1996.

5. *Trung Quốc nhất tuyệt,* Phan Văn Các, Trương Chính, Nguyễn Bá Thính, Ông Văn Tùng dịch, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1997, tái bản 2004.